



Biểu số 114/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Ước thực hiện năm 2021		So sánh(%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU	4.760.402.000	4.760.402.000	7.185.904.417	7.185.904.417	150,95	150,95
I	Các khoản thu 100%	45.000.000	45.000.000	152.899.333	152.899.333	339,78	339,78
1	Phí, lệ phí	12.000.000	12.000.000	37.373.000	37.373.000	311,44	311,44
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản	30.000.000	30.000.000	54.193.000	54.193.000	180,64	180,64
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			-			
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			39.700.000	39.700.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định			-			
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định			-			
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			-			
8	Thu khác	3.000.000	3.000.000	21.633.333	21.633.333	721,11	721,11
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	72.000.000	72.000.000	165.210.211	165.210.211	229,46	229,46
1	Các khoản thu phân chia	41.000.000	41.000.000	44.132.373	44.132.373	107,64	107,64
1.1	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.000.000	16.000.000	15.313.740	15.313.740	95,71	95,71
1.2	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			-			
1.3	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.000.000	5.000.000	5.600.000	5.600.000	112,00	112,00
1.4	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	20.000.000	20.000.000	23.218.633	23.218.633	116,09	116,09
2	Các khoản phân chia khác do cấp tỉnh quy định	31.000.000	31.000.000	121.077.838	121.077.838	390,57	390,57
2.1	- Thuế GTGT	16.000.000	16.000.000	51.867.234	51.867.234	324,17	324,17
2.2	- Thuế TN cá nhân	15.000.000	15.000.000	17.370.604	17.370.604	115,80	115,80
2.3	- Thu tiền sử dụng đất			51.840.000	51.840.000		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã			-			
IV	Thu chuyển nguồn		-	947.016.873	947.016.873		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		-	-			
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.643.402.000	4.643.402.000	5.920.778.000	5.920.778.000	127,51	127,51
	- Thu bổ sung cân đối	4.643.402.000	4.643.402.000	4.643.402.000	4.643.402.000	100,00	100,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu			1.277.376.000	1.277.376.000		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

Biểu số 115/CKTC-NSNN

ĐVT: đồng

T T	Nội dung	Dự toán			Ước thực hiện năm 2021			So sánh(%)		
		Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CHI	4.760.402.000	-	4.760.402.000	6.837.466.135	1.890.000.000	4.947.466.135	143,63		103,93
	Trong đó	-			-					
1	Chi giáo dục	-			1.490.000.000	1.490.000.000				
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-		.	-		.			
3	Chi y tế	-			-					
4	Chi văn hóa, thông tin	18.000.000		18.000.000	15.714.000		15.714.000	87,30		87,30
5	Chi phát thanh	82.116.400		82.116.400	102.240.600		102.240.600	124,51		124,51
6	Chi thể dục thể thao	38.000.000		38.000.000	-			-		0,00
7	Chi bảo vệ môi trường	20.000.000		20.000.000	76.400.000		76.400.000	382,00		382,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	30.000.000		30.000.000	26.034.000		26.034.000	86,78		86,78
9	Chi hoạt động QL NN, Đảng, đoàn thể	4.226.221.600		4.226.221.600	4.506.003.535		4.506.003.535	106,62		106,62
10	Chi công tác xã hội	240.064.000		240.064.000	221.074.000		221.074.000	92,09		92,09
11	Chi khác(tiết kiệm CCTL)	23.000.000		23.000.000	400.000.000	400.000.000		1.739,13		0,00
12	Dự phòng	83.000.000		83.000.000	-					
13	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau				-					
14	Chi kết dư ngân sách									